

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/KDTM-ST.

Ngày: 14/5/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến.

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần BDLV.

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà TH, số 210 đường TQK, phường TT, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến V- Giám đốc, (theo quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017).

Uỷ quyền tham gia tố tụng cho cho ông Lê Văn N và bà Phan Thị Thu T - Cán bộ xử lý nợ; (văn bản uỷ quyền số 264/2020/UQ-LVPBank ngày 26/02/2020). Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Chị T ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. (*văn bản ủy quyền ngày 21/01/2021*). Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1974; anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1968; bà Phan Thị L, sinh năm 1938. Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, Thành phố Hà Nội. (*đều vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2019 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP BDLV và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Ngày 27/4/2018, Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh ĐĐ đã ký kết hợp đồng tín dụng số HĐTD123018298 với chị Nguyễn Thị T, theo đó chị T vay ngân hàng số tiền 290.000.000 đồng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng, phương thức cho vay từng lần. Lãi suất trong hạn là 7.75%/năm, lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 11, diện tích 62.9m² theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số AH 801489, Sổ vào sổ cấp GCNQSD đất: H00471/QSDĐ/1895/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện TT, cấp ngày 12/10/2007 đứng tên ông Nguyễn Hữu P có địa chỉ: Thôn Đ, Xã HB, Huyện TT, tỉnh Hà Tây (nay thuộc TP Hà Nội) để bảo đảm cho khoản vay. Tài sản bảo đảm nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 14/02/2020, dư nợ của chị T tại ngân hàng là 326.150.424 đồng; trong đó nợ gốc là 289.909.585 đồng; nợ lãi là 36.240.839 đồng.

Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của chị T đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ tháng 4/2019.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để chị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả.

Ngày 11/5/2020 chị T trả được 4 triệu đồng tiền gốc; ngày 21/12/2020 trả được 20 triệu đồng tiền gốc, còn tiền lãi chưa trả được đồng nào.

Tính đến ngày 13/5/2021, chị T còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 265.909.525 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.756.685 đồng; tiền lãi quá hạn là 87.057.055 đồng, tổng cộng là 354.723.265 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP BDLV đề nghị chị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên và tiền lãi phát sinh theo lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/5/2021 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp chị T không trả hoặc trả không đủ số nợ trên và các Bên bảo lãnh thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho chị T theo Hợp đồng thế chấp đã ký thì Ngân hàng TMCP BDLV được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/12/2020 của bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày thì: Chị thừa nhận cho có vay Ngân hàng TMCP BDLV số tiền 290.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền này chị vay hộ chị gái ruột là chị Nguyễn Thị H để chị H làm ăn (chị H là vợ anh P). Nay ngân hàng yêu cầu chị trả nợ, chị đề nghị ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ để gia đình trả dần vì hiện tại kinh tế đang gặp khó khăn. Do chị bận việc nên chị uỷ quyền tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị H.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hữu P trình bày: Anh là anh rể của chị Nguyễn Thị T. Anh thừa nhận, năm 2017 anh đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay của chị T tại Ngân hàng TMCP BDLV. Tài sản thế chấp là thửa đất số 168, tờ bản đồ số 11 diện tích 62.9m² tại thôn Đ, xã HB, huyện TT. Thửa đất này là đất cha ông để lại, năm 2007 đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phan Thị L là mẹ đẻ anh. Năm 2011 bà L à anh trai anh đang ở. Nay ngân hàng yêu cầu chị T trả nợ, anh mong ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình đến tháng 4 âm lịch để gia đình tất toán khoản vay, anh không đồng ý phát mại tài sản thế chấp.

Bà Phan Thị L và anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Hiện bà L và anh Đ đang sinh sống trên thửa đất mà anh Nguyễn Hữu P đã thế chấp cho ngân hàng. Năm 2011 bà đã tặng cho anh P là con trai, việc anh P thế chấp đất gia đình có biết và không có ý kiến gì về việc này. Nay ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp, bà L và anh Đ không đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP BDLV giữ nguyên các yêu cầu trong đơn khởi kiện, buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 13/5/2021 là: 354.723.265 đồng bao gồm: Tiền gốc là 265.909.525 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.756.685 đồng; tiền lãi quá hạn là 87.057.055 đồng, và số tiền lãi phát sinh sau ngày 13/5/2021 theo lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết số nợ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không chịu thanh toán thì Ngân hàng TMCP BDLV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 281, 298, 299, 302, 305, 351, 385, 398, 463, 466, 468, 470, Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án phát sinh là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP BDLV và bị đơn là chị Nguyễn Thị T. Bị đơn có địa chỉ tại huyện TT, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người được uỷ quyền của bị đơn là chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Hữu Đ, bà Phan Thị L đã được triệu tập đến phiên tòa theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đều vắng mặt, không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H, anh P, bà L và anh Đ.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét Hợp đồng tín dụng số HĐTD123018298 và Khế ước nhận nợ số 123018298/001 ngày 27/4/2018 được ký kết giữa các bên có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91, 95 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng, nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP BDLV đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, tiến hành

giải ngân các khoản vay cho chị T theo thỏa thuận. Mặc dù thực tế chị T có đứng ra vay hộ chị Nguyễn Thị H thì chị T vẫn phải chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết. Tuy nhiên chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn, nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Tháng 4/2019 Ngân hàng TMCP BDLV đã chuyển toàn bộ khoản nợ sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng chị T không thực hiện. Đến ngày 26/02/2020 Ngân hàng TMCP BDLV đã có quyết định và thông báo về việc thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Tính đến ngày 13/5/2021, chị T còn nợ Ngân hàng TMCP BDLV số tiền Tiền gốc là: 265.909.525 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.756.685 đồng; tiền lãi quá hạn là 87.057.055 đồng, tổng cộng là 354.723.265 đồng. Ngân hàng TMCP BDLV yêu cầu chị T thanh toán toàn bộ số tiền trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. *(tiền lãi được tính theo các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP BDLV)*

Kể từ ngày 14/5/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, phía bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP BDLV.

2.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP BDLV. Hợp đồng bảo lãnh thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1940/2017/HĐTC, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2017 tại Văn phòng công chứng TT, Thành phố Hà Nội; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 26/4/2017 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hà Nội- chi nhánh TT giữa Ngân hàng TMCP BDLV *(bên nhận thế chấp)* với ông Nguyễn Hữu P *(bên bảo lãnh thế chấp)* đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch bảo đảm, phù hợp với các quy định tại Điều 298, 335, 342 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12; Điều 41 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003.

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2020 thì: Trên thửa đất đất số 168, tờ bản đồ số 11, diện tích 62.9m² theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số AH 801489, Sổ vào sổ cấp GCNQSD đất: H00471/QSDĐ/1895/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 12/10/2007 cho bà Phan Thị L, có địa chỉ: Thôn Đ, Xã HB, Huyện TT, TP Hà Nội. Ngày 06/6/2011 ông Nguyễn Hữu P nhận tặng cho thửa đất theo hợp đồng đăng ký số 50 ngày 31/5/2011, có 01 nhà mái bằng kết cấu bê tông cốt thép; 01 sân lát gạch bát; công trình phụ, tường bao và

công đi, được thể hiện trong nội dung hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của gia đình anh Nguyễn Hữu P đã đứng ra bảo lãnh thế chấp cho khoản vay của chị T. Hiện nay có bà Phan Thị L và anh Nguyễn Hữu Đ đang sinh sống trên thửa đất này.

Do vậy trường hợp chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP BDLV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo lãnh thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1940/2017/HĐTC, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2017 tại Văn phòng công chứng TT, Thành phố Hà Nội.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP BDLV tự chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng TMCP BDLV đã nộp đủ số tiền để chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị T phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 17.736.000 đồng. Trả lại Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 281, 298, 299, 302, 305, 335, 351, 385, 398, 463, 466, 468, Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 13/5/2021 là: 354.723.265đ (*ba trăm năm tư triệu bảy trăm hai ba nghìn hai trăm sáu lăm đồng*) bao gồm: Tiền gốc là 265.909.525 đồng; lãi trong hạn là 1.756.685 đồng; lãi quá hạn là 87.057.055 đồng 265.909.525 đồng.

Kể từ ngày 14/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP BĐLV.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất thì lãi suất mà chị T phải chịu theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP BĐLV.

Kể từ khi chị T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP BĐLV phải giải chấp tài sản thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 801489, Sổ vào sổ cấp GCNQSD đất: H00471/QSDĐ/1895/QĐ-UB cho anh Nguyễn Hữu P.

1.2. Trường hợp chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP BĐLV có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 11, diện tích 62.9m² theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số AH 801489, Sổ vào sổ cấp GCNQSD đất: H00471/QSDĐ/1895/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 12/10/2007 cho bà Phan Thị L, có địa chỉ: Thôn Đ, Xã HB, Huyện TT, TP Hà Nội. Ngày 06/6/2011 ông Nguyễn Hữu P nhận tặng cho thửa đất theo hợp đồng đăng ký số 50 ngày 31/5/2011. Đăng ký thế chấp ngày 26/4/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TT, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1940/2017/HĐTC, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2017 tại Văn phòng công chứng TT, Thành phố Hà Nội, để thu hồi nợ.

1.3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 17.736.000đ (*mười bảy triệu bảy trăm ba sáu nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP BĐLV số tiền 8.153.000 đ (*Tám triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2016/0011609 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP BĐLV chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng TMCP BĐLV đã nộp đủ số tiền để chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu HSVA.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hồng Thiết

